

Số: /QĐ-TTg

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

DỰ THẢO

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Chiến lược quốc gia về quản lý tổng hợp chất thải rắn đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15 ngày 18 tháng 02 năm 2025; Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường ngày 11 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Kết luận số 75-KL/TW ngày 28 tháng 7 năm 2026 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV về bảo vệ môi trường và chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu trong thời kỳ mới;

Căn cứ Nghị quyết số 208/NQ-CP ngày 04 tháng 8 năm 2026 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Kết luận số 75-KL/TW ngày 28 tháng 7 năm 2026 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV về bảo vệ môi trường và chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu trong thời kỳ mới;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Chiến lược quốc gia về quản lý tổng hợp chất thải rắn đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050 với các nội dung như sau:

1. Quan điểm

a) Quản lý tổng hợp chất thải rắn là một trong những động lực quan trọng thúc đẩy giảm thiểu phát sinh chất thải, đẩy mạnh tái sử dụng, tái chế chất thải để phát triển kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn và phát triển bền vững; chất thải rắn phải được quản lý theo toàn bộ vòng đời chất thải từ khi phát sinh đến khi xử lý cuối cùng.

b) Quản lý tổng hợp chất thải rắn phải gắn với đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, sử dụng hiệu quả tài nguyên, nguyên vật liệu, giảm phát thải khí nhà kính, góp phần nâng cao sức cạnh tranh của nền kinh tế.

c) Quản lý tổng hợp chất thải rắn phải gắn với công tác quy hoạch bảo vệ môi trường, trong đó quy hoạch quản lý chất thải rắn phải được xây dựng theo hướng liên tỉnh, liên vùng, đảm bảo sự liên kết giữa các địa phương và quản lý thống nhất các loại chất thải rắn phát sinh.

d) Quản lý tổng hợp chất thải rắn phải bảo đảm đồng bộ hạ tầng, công nghệ, hệ thống, thiết bị, phương tiện phân loại, thu gom, vận chuyển, tái chế và xử lý chất thải gắn với cơ chế thị trường, đẩy mạnh xã hội hóa và huy động sự tham gia của các thành phần kinh tế.

2. Mục tiêu

a) Mục tiêu tổng quát

Xây dựng hệ thống quản lý tổng hợp chất thải rắn đồng bộ, hiện đại và hiệu quả, quản lý thống nhất các loại chất thải theo toàn bộ vòng đời, theo hướng liên tỉnh, liên vùng, dựa trên dữ liệu và nền tảng số; giảm thiểu phát sinh chất thải, tăng cường tái sử dụng, tái chế và thu hồi tài nguyên từ chất thải; phát triển ngành công nghiệp môi trường, trọng tâm là công nghiệp tái chế nhằm giảm phát thải khí nhà kính, phát triển kinh tế tuần hoàn, kinh tế xanh và góp phần nâng cao sức cạnh tranh của nền kinh tế.

b) Mục tiêu cụ thể đến năm 2035

- Chất thải rắn được giảm thiểu phát sinh, gắn với sản xuất, tiêu dùng bền vững và sử dụng hiệu quả tài nguyên; được phân loại, thu gom, lưu giữ, trung chuyển, vận chuyển, tái chế và xử lý đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường dựa trên dữ liệu, nền tảng số.

- Hệ thống hạ tầng phân loại, thu gom, lưu giữ, trung chuyển, vận chuyển, được đầu tư đồng bộ với hạ tầng tái chế và xử lý chất thải rắn phù hợp với điều kiện từng vùng, địa phương gắn với quy hoạch quản lý chất thải rắn liên tỉnh, liên vùng và đảm bảo sự liên kết giữa các địa phương.

- Thị trường nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu thứ cấp từng bước được hình thành và phát triển, góp phần giảm khai thác tài nguyên, thúc đẩy kinh tế tuần hoàn và nâng cao sức cạnh tranh nền kinh tế; các khu vực ô nhiễm, suy thoái môi trường do chất thải rắn được xử lý, cải tạo, phục hồi môi trường.

Các chỉ tiêu cụ thể để giám sát và đánh giá thực hiện Chiến lược được tổng hợp ở Phụ lục I.

3. Tầm nhìn đến năm 2050

Đến năm 2050, Việt Nam có hệ thống quản lý tổng hợp chất thải rắn hiện đại, thông minh, hiệu quả và đồng bộ, tiệm cận trình độ các nước phát triển; chất thải được quản lý như dòng vật liệu thứ cấp, nguồn tài nguyên tuần hoàn; công

nghiệp tái chế phát triển, đóng góp tích cực vào tăng trưởng xanh, kinh tế tuần hoàn, nâng cao hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế; chất lượng môi trường và chất lượng cuộc sống của người dân được nâng cao.

4. Các nhiệm vụ chủ yếu

a) Giảm thiểu phát sinh chất thải, thúc đẩy sản xuất và tiêu dùng bền vững

- Thúc đẩy sản xuất sạch hơn, thiết kế sinh thái, quản lý vòng đời sản phẩm, sử dụng hiệu quả tài nguyên, nguyên liệu, vật liệu và năng lượng nhằm giảm thiểu phát sinh chất thải ngay từ khâu thiết kế, sản xuất và tiêu dùng.

- Kiểm soát chặt chẽ việc nhập khẩu công nghệ, thiết bị, dây chuyền sản xuất lạc hậu, tiêu hao nhiều tài nguyên và có nguy cơ phát sinh chất thải, gây ô nhiễm môi trường.

- Triển khai hiệu quả trách nhiệm tái chế, xử lý sản phẩm, bao bì của nhà sản xuất, nhập khẩu (EPR); kéo dài vòng đời sản phẩm.

- Thúc đẩy sử dụng các sản phẩm, vật liệu thân thiện với môi trường; tăng cường mua sắm công xanh, sử dụng nguyên liệu tái chế; triển khai kinh tế chia sẻ, sửa chữa, tái sử dụng, cho thuê sản phẩm; từng bước hình thành mô hình sản xuất và tiêu dùng bền vững gắn với kinh tế tuần hoàn.

b) Tăng cường phân loại, thu gom, lưu giữ, trung chuyển, vận chuyển chất thải

- Xây dựng hạ tầng kỹ thuật đồng bộ, áp dụng các công nghệ, hệ thống, thiết bị tiên tiến trong quá trình phân loại, thu gom, vận chuyển đồng bộ theo từng nhóm chất thải sau phân loại nhằm thu hồi tối đa chất thải có khả năng tái sử dụng, tái chế và chất thải được sử dụng làm nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu đầu vào cho quá trình sản xuất; giảm thiểu chất thải phải mang đi xử lý.

- Thiết kế, xây dựng hệ thống mạng lưới điểm, trung tâm thu hồi vật liệu, trạm trung chuyển và mạng lưới hạ tầng thu hồi chất thải có giá trị đồng bộ theo từng tỉnh, hướng tới liên kết vùng, liên kết tỉnh để thu gom, tái sử dụng, tái chế và xử lý chất thải với khối lượng lớn, tăng giá trị kinh tế và lợi nhuận từ chất thải.

- Huy động nguồn lực xã hội, khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia đầu tư, cung cấp dịch vụ thu gom, vận chuyển chất thải.

- Thí điểm và từng bước nhân rộng cơ chế đặt cọc hoàn trả bao bì đồ uống làm cơ sở từng bước nghiên cứu, xây dựng chính sách và áp dụng cơ chế đặt cọc hoàn trả cho các sản phẩm, bao bì có giá trị thu hồi cao nhằm giảm thiểu phát sinh chất thải ngay từ đầu nguồn, tăng tỷ lệ thu hồi các sản phẩm, bao bì để tăng tỷ lệ tái sử dụng, tái chế.

c) Thúc đẩy tái sử dụng, tái chế và phát triển thị trường nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu từ chất thải

- Phát triển ngành công nghiệp môi trường, trong đó ưu tiên ngành công nghiệp tái chế theo định hướng quy mô lớn, liên tỉnh, liên vùng; thúc đẩy các liên minh tái chế và các mô hình hợp tác giữa nhà sản xuất, đơn vị thu gom và cơ sở tái chế nhằm nâng cao hiệu quả tuần hoàn vật liệu thứ cấp.

- Phát triển các cơ sở tái chế chuyên sâu theo từng loại chất thải; tăng cường liên kết giữa các cơ sở tái chế và xử lý chất thải.

- Đẩy mạnh tái sử dụng, tái chế tro xỉ, thạch cao, chất thải xây dựng, chất thải và phụ phẩm nông nghiệp, bùn thải và các loại chất thải khác làm nguyên liệu, nhiên liệu phục vụ sản xuất.

- Thực hiện chính sách ưu đãi, mua sắm công xanh để thúc đẩy kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn.

- Xây dựng, ban hành danh mục các sản phẩm, hàng hóa, vật liệu sản xuất trong nước phải đáp ứng tỷ lệ sử dụng nguyên, vật liệu tái chế nhằm thúc đẩy tái sử dụng, tái chế chất thải, giảm phụ thuộc vào khai thác khoáng sản.

- Phát huy vai trò của thị trường nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu thu hồi từ chất thải và cơ chế truy xuất nguồn gốc nguyên liệu, vật liệu.

d) Phát triển hạ tầng và công nghệ tái chế, xử lý chất thải

- Rà soát, xây dựng và triển khai các quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, trong đó ưu tiên quy hoạch, xây dựng các trung tâm, khu liên hợp tái chế, xử lý chất thải tập trung liên vùng, liên tỉnh gắn với hạ tầng thu gom, vận chuyển, tái chế và xử lý của từng địa phương.

- Chuyển đổi công nghệ xử lý chất thải theo hướng giảm dần tỷ lệ chôn lấp trực tiếp, nâng cao tỷ lệ tái sử dụng, tái chế, thu hồi tài nguyên và năng lượng từ chất thải; ưu tiên áp dụng các công nghệ tiên tiến, thân thiện với môi trường phù hợp với đặc tính của từng loại chất thải; khuyến khích áp dụng kỹ thuật hiện có tốt nhất (BAT) nhằm nâng cao hiệu quả quản lý chất thải và hướng tới nền kinh tế tuần hoàn.

- Đẩy mạnh cộng sinh công nghiệp, đồng xử lý chất thải trong các ngành công nghiệp. Tăng cường đầu tư, hỗ trợ cho các cơ sở xử lý chất thải đang hoạt động trên địa bàn tham gia thu gom, xử lý chất thải cho địa phương mình thay cho đầu tư mới dự án xử lý chất thải.

đ) Quản lý theo các nhóm chất thải điển hình

- Chất thải rắn sinh hoạt:

- + Triển khai đồng bộ hoạt động phân loại tại tổ chức, hộ gia đình, cá nhân và dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo quy định của pháp luật; triển khai hình thức thu giá dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo khối lượng hoặc thể tích phát sinh; đẩy mạnh thu hồi chất thải có khả năng tái chế; xây dựng lộ trình chấm dứt các lò đốt công suất nhỏ, quy mô cấp xã.

- + Hỗ trợ, nâng cao năng lực, điều kiện làm việc, an toàn lao động của lực lượng thu gom chất thải, phế liệu phi chính thức; tăng cường kết nối với các cơ sở thu gom, thu hồi tài nguyên, tái chế đang hoạt động theo quy định.

- + Chuyển đổi công nghệ xử lý chất thải rắn sinh hoạt tiên tiến, thân thiện với môi trường; ưu tiên tái sử dụng, tái chế, đồng xử lý đối với các loại chất thải

phù hợp; xử lý chất thải kết hợp thu hồi năng lượng đối với chất thải không còn khả năng tái sử dụng, tái chế; giảm dần, tiến tới không chôn lấp trực tiếp chất thải rắn sinh hoạt.

- + Tăng cường phân loại chất thải thực phẩm, chất thải hữu cơ dễ phân hủy sinh học để chuyển giao cho các tổ chức, cá nhân sản xuất, chế biến thức ăn cho gia súc, gia cầm hoặc sản xuất phân compost; khuyến khích thực hiện chôn lấp tại khu vực hoặc ô chôn lấp riêng trong bãi chôn lấp chất thải trong trường hợp không tái sử dụng, tái chế.

- + Thực hiện cải tạo và phục hồi môi trường tại các bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt không hợp vệ sinh.

- Chất thải rắn công nghiệp và chất thải nguy hại:

- + Phát triển mạnh mẽ các mô hình cộng sinh công nghiệp, khu công nghiệp sinh thái; thúc đẩy tái sử dụng, tái chế chất thải công nghiệp làm nhiên liệu, nguyên liệu sản xuất; thực hiện đồng xử lý chất thải trong lò hơi, lò nung xi măng, lò thiêu đốt khác.

- + Từng bước xây dựng các cơ sở xử lý tập trung liên tỉnh, liên vùng đối với chất thải nguy hại; hạn chế xử lý chất thải nguy hại bằng phương pháp đóng kén, chôn lấp.

- + Thu hút đầu tư các dự án, cơ sở tái chế, xử lý chất thải điện tử, pin, ắc quy xe điện, pin mặt trời và các loại chất thải phát sinh từ hoạt động chuyển đổi xanh.

- + Chuyển đổi mô hình xử lý chất thải y tế theo hướng tập trung; ưu tiên công nghệ không đốt; giảm dần và dừng đầu tư mới lò đốt chất thải y tế nguy hại quy mô nhỏ tại các cơ sở y tế cấp xã.

- Chất thải rắn xây dựng và phân bùn bể tự hoại:

- + Bố trí, xây dựng hạ tầng thu gom, tập kết, sơ chế, tái chế, xử lý chất thải rắn xây dựng trên địa bàn tỉnh; tăng cường tái chế chất thải rắn xây dựng thành vật liệu san lấp và vật liệu xây dựng.

- + Đầu tư hạ tầng thu gom, xử lý phân bùn bể tự hoại đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; ưu tiên áp dụng các công nghệ xử lý sinh học hiện đại để thu hồi năng lượng sinh khối, sản xuất phân bón hữu cơ, chất cải tạo đất.

- Chất thải nông nghiệp và chất thải làng nghề:

- + Thiết lập các điểm thu gom, tập kết chất thải nông nghiệp và phụ phẩm nông nghiệp tập trung phù hợp với từng vùng, khu vực sản xuất; thu hồi chất thải và phụ phẩm nông nghiệp phục vụ tái sử dụng, tái chế và làm nguyên liệu, thức ăn cho gia súc, gia cầm hoặc sản xuất phân hữu cơ, thu hồi năng lượng sinh khối. Ưu tiên tái sử dụng, tái chế chất thải và phụ phẩm nông nghiệp phát sinh tại chỗ quy mô hộ gia đình. Không đốt rơm rạ, chất thải nông nghiệp và phụ phẩm nông nghiệp ngoài đồng ruộng.

- + Tổ chức thu gom, xử lý bao bì thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y sau sử

dụng; tổ chức thu gom, tái chế màng phủ, dây buộc, khay bầu, ống tưới, bao bì phân bón và các loại nhựa từ hoạt động sản xuất nông nghiệp.

+ Thực hiện thu gom và xử lý phân động vật, chất độn chuồng, thức ăn thừa, bùn, xác vật nuôi phù hợp với quy mô hộ gia đình, trang trại hoặc cụm chăn nuôi theo hướng thúc đẩy phát triển sản xuất phân bón hữu cơ, sản xuất khí sinh học; thúc đẩy tái sử dụng, tái chế chất thải phát sinh từ hoạt động chăn nuôi, nuôi trồng và chế biến thủy sản.

- Chất thải nhựa:

+ Tăng cường thu hồi, tái sử dụng, tái chế chất thải nhựa; nghiên cứu, ứng dụng công nghệ thu gom, xử lý chất thải nhựa, vi nhựa trong môi trường nước.

+ Nghiên cứu, phát triển nguyên liệu, sản phẩm thân thiện với môi trường thay thế sản phẩm nhựa sử dụng một lần, túi ni lông khó phân hủy sinh học.

+ Từng bước xây dựng hệ thống thu gom, tiếp nhận và xử lý ngư cụ thải bỏ, ngư cụ thất lạc và chất thải nhựa phát sinh từ các hoạt động kinh tế biển; hạn chế chất thải nhựa thất thoát ra môi trường biển.

+ Thực hiện lộ trình hạn chế, tiến tới chấm dứt việc sản xuất, nhập khẩu và tiêu dùng các sản phẩm nhựa sử dụng một lần, túi ni lông khó phân hủy sinh học theo quy định của pháp luật.

+ Thực hiện lộ trình điều chỉnh đối tượng, mức thuế bảo vệ môi trường đối với sản phẩm nhựa sử dụng một lần, túi ni lông khó phân hủy sinh học.

e) Xây dựng cơ sở dữ liệu, thông tin về quản lý chất thải rắn

- Xây dựng, quản lý, vận hành cơ sở dữ liệu quốc gia về chất thải rắn; bảo đảm kết nối, chia sẻ dữ liệu với cơ sở dữ liệu môi trường quốc gia và cơ sở dữ liệu của các bộ, ngành, địa phương.

- Triển khai cập nhật, kê khai dữ liệu điện tử về chất thải rắn thống nhất từ trung ương đến địa phương.

5. Giải pháp thực hiện

a) Hoàn thiện thể chế, chính sách

- Rà soát, sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách về quản lý chất thải rắn theo hướng kinh tế tuần hoàn, quản lý vật liệu thứ cấp phục vụ hoạt động sản xuất.

- Lồng ghép các yêu cầu về quản lý chất thải vào chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành, lĩnh vực và địa phương.

- Hoàn thiện cơ chế, chính sách ưu đãi đầu tư nhằm khuyến khích phát triển hạ tầng quản lý chất thải và ngành công nghiệp tái chế.

- Hoàn thiện cơ chế thực hiện trách nhiệm tái chế, xử lý của nhà sản xuất, nhập khẩu sản phẩm, bao bì.

- Hoàn thiện chính sách thuế, phí và các công cụ kinh tế về môi trường

nhằm khuyến khích, tạo điều kiện hoạt động cho các dự án, cơ sở tái chế, xử lý chất thải, thiết kế sinh thái, thay đổi nguyên liệu, sử dụng hiệu quả tài nguyên; hoàn thiện cơ chế thu giá dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải theo nguyên tắc “phát sinh nhiều chất thải thì phải trả nhiều tiền”.

- Xây dựng và phát triển thị trường nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu thu hồi từ chất thải; thúc đẩy tiêu dùng xanh, mua sắm công xanh; khuyến khích sử dụng nguyên liệu và sản phẩm tái chế; bổ sung quy định tỷ lệ sử dụng nguyên liệu tái chế đối với một số ngành, sản phẩm phù hợp với từng giai đoạn phát triển.

- Rà soát, hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về quản lý chất thải rắn và nguyên liệu, vật liệu tái chế; xây dựng cơ chế kiểm soát chất lượng và truy xuất nguồn gốc đối với nguyên liệu, vật liệu tái chế nhằm thúc đẩy tái sử dụng, tái chế và phát triển kinh tế tuần hoàn.

- Hoàn thiện cơ chế, chính sách thúc đẩy đầu tư tư nhân, đầu tư nước ngoài trong lĩnh vực quản lý chất thải rắn, bảo đảm môi trường đầu tư minh bạch, cạnh tranh và ổn định.

b) Giải pháp tài chính

- Huy động và sử dụng hiệu quả nguồn lực từ ngân sách nhà nước, ODA, vốn vay ưu đãi, khu vực tư nhân và các nguồn vốn hợp pháp khác để thực hiện Chiến lược.

- Ưu tiên bố trí nguồn lực cho các dự án, nhiệm vụ chương trình trọng điểm về phân loại, thu gom, vận chuyển, tái chế và xử lý chất thải, phát triển hạ tầng liên vùng, liên tỉnh; xây dựng cơ sở dữ liệu và chuyển đổi số trong quản lý chất thải; cải tạo, phục hồi các khu vực ô nhiễm môi trường do chất thải rắn.

- Đẩy mạnh xã hội hóa; khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia đầu tư, quản lý và vận hành hệ thống quản lý chất thải; phát triển công nghiệp môi trường và công nghiệp tái chế.

- Khuyến khích áp dụng mô hình đối tác công tư trong đầu tư, quản lý và vận hành các công trình hạ tầng xử lý, quản lý chất thải rắn.

- Nghiên cứu áp dụng các công cụ kinh tế nhằm giảm phát sinh chất thải, tăng tái sử dụng, tái chế và giảm chôn lấp trực tiếp. Phát huy hiệu quả Quỹ bảo vệ môi trường, Quỹ phát triển khoa học và công nghệ và các nguồn lực hợp pháp khác đầu tư cho hạ tầng tái chế, xử lý chất thải; mở rộng tín dụng xanh, trái phiếu xanh, thị trường các-bon và các cơ chế tài chính xanh trong lĩnh vực quản lý chất thải.

- Xây dựng và triển khai cơ chế hỗ trợ lãi suất từ ngân sách nhà nước đối với chủ dự án, cơ sở vay vốn tại ngân hàng thương mại để thực hiện dự án phân loại, thu gom, tái chế, xử lý chất thải hoặc các mô hình kinh tế tuần hoàn trong lĩnh vực chất thải.

c) Giải pháp khoa học, công nghệ và chuyển đổi số

- Đẩy mạnh nghiên cứu, chuyên gia, ứng dụng và thương mại hóa các công nghệ tiên tiến trong phân loại, thu gom, tái sử dụng, tái chế và xử lý chất thải rắn.

- Khuyến khích hình thành các trung tâm nghiên cứu, đổi mới sáng tạo và chuyển giao công nghệ; phát triển doanh nghiệp khoa học và công nghệ, doanh nghiệp đổi mới sáng tạo trong lĩnh vực quản lý chất thải rắn.

- Đẩy mạnh nghiên cứu và ứng dụng công nghệ trong tái chế chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp và bùn thải.

- Từng bước triển khai hoạt động giảm phát thải khí nhà kính và phát triển thị trường các-bon trong lĩnh vực chất thải rắn.

- Thúc đẩy ứng dụng công nghệ số, trí tuệ nhân tạo (AI), Internet vạn vật (IoT), dữ liệu lớn (Big Data), hệ thống thông tin địa lý (GIS) trong quản lý nhà nước về chất thải, giám sát thực thi chính sách và hỗ trợ ra quyết định.

- Xây dựng, cập nhật dữ liệu về quản lý chất thải trên nền tảng số, hệ thống thông tin môi trường quốc gia; kết nối, chia sẻ cơ sở dữ liệu môi trường quốc gia và cơ sở dữ liệu của các bộ, ngành, địa phương.

d) Giải pháp về tổ chức thực hiện và phát triển nguồn nhân lực

- Kiện toàn tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về chất thải theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả; bảo đảm phân công, phân cấp, phân quyền rõ ràng giữa các cấp, các ngành.

- Nâng cao năng lực tổ chức thực thi pháp luật của chính quyền địa phương theo mô hình tổ chức chính quyền địa phương hiện hành; huy động sự tham gia của các cấp chính quyền đến cấp cơ sở trong phân loại, thu gom, vận chuyển, tái chế và xử lý chất thải.

- Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực quản lý chất thải, công nghiệp tái chế và kinh tế tuần hoàn.

- Tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường.

đ) Nâng cao nhận thức cộng đồng

- Đẩy mạnh truyền thông, giáo dục và nâng cao nhận thức nhằm thay đổi hành vi của người dân, cộng đồng và doanh nghiệp về giảm thiểu phát sinh, phân loại, tái sử dụng, tái chế chất thải rắn và tiêu dùng bền vững; phát huy vai trò giám sát của cộng đồng dân cư, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong quản lý chất thải rắn.

- Xây dựng và nhân rộng các mô hình cộng đồng tham gia quản lý chất thải rắn, mô hình khu dân cư, làng nghề, đô thị hạn chế phát sinh chất thải gắn với kinh tế tuần hoàn, kinh tế chia sẻ và tiêu dùng xanh.

e) Hợp tác quốc tế

- Mở rộng hợp tác quốc tế nhằm tiếp thu, chuyển giao công nghệ tiên tiến; huy động nguồn lực tài chính, kỹ thuật và chia sẻ kinh nghiệm trong quản lý chất thải rắn.

- Chủ động tham gia và thực hiện hiệu quả các điều ước quốc tế, cam kết,

sáng kiến toàn cầu và khu vực về quản lý chất thải, giảm phát thải khí nhà kính trong lĩnh vực chất thải.

- Tăng cường hợp tác với các tổ chức quốc tế, đối tác phát triển quốc tế trong nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo, đào tạo nguồn nhân lực trong lĩnh vực quản lý chất thải.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Bộ Nông nghiệp và Môi trường

a) Là cơ quan đầu mối tổ chức triển khai thực hiện Chiến lược; chủ trì theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, giám sát, tổng kết, đánh giá việc thực hiện Chiến lược; định kỳ báo cáo Thủ tướng Chính phủ và đề xuất điều chỉnh Chiến lược khi cần thiết.

b) Chủ trì rà soát, xây dựng, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện cơ chế, chính sách, văn bản quy phạm pháp luật, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quản lý chất thải rắn theo hướng kinh tế tuần hoàn, thúc đẩy giảm thiểu phát sinh chất thải, tăng cường tái sử dụng, tái chế và thu hồi tài nguyên từ chất thải.

c) Chủ trì rà soát, cập nhật nội dung quản lý chất thải rắn trong quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia; hướng dẫn việc triển khai quy hoạch sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Hướng dẫn lựa chọn công nghệ xử lý chất thải phù hợp, áp dụng kỹ thuật hiện có tốt nhất (BAT); hướng dẫn phát triển các cơ sở xử lý chất thải quy mô vùng, liên tỉnh, liên vùng theo quy hoạch.

d) Hướng dẫn thực hiện phân loại chất thải rắn; tái sử dụng, tái chế và thu hồi tài nguyên từ chất thải; hướng dẫn thực hiện tỷ lệ sử dụng vật liệu tái chế theo quy định của pháp luật. Hướng dẫn thu gom, xử lý chất thải chăn nuôi, phụ phẩm nông nghiệp; thúc đẩy phát triển năng lượng sinh khối từ chất thải và phụ phẩm nông nghiệp, chất thải chăn nuôi và lâm nghiệp; thúc đẩy mô hình nông nghiệp sinh thái, nông nghiệp tuần hoàn và nông nghiệp hữu cơ.

đ) Hướng dẫn thực hiện trách nhiệm mở rộng của nhà sản xuất, nhập khẩu (EPR); thúc đẩy phát triển hệ thống thu hồi, tái chế sản phẩm, bao bì sau sử dụng và các mô hình hợp tác trong thu hồi, tái chế vật liệu.

e) Chủ trì xây dựng, quản lý, vận hành và khai thác cơ sở dữ liệu quốc gia về chất thải rắn; kết nối, chia sẻ dữ liệu với cơ sở dữ liệu môi trường quốc gia và cơ sở dữ liệu của các bộ, ngành, địa phương.

g) Phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn triển khai, ứng dụng công nghệ số, trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn trong quản lý và giám sát chất thải rắn.

2. Bộ Xây dựng

a) Chủ trì rà soát, hoàn thiện cơ chế, chính sách, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về quy hoạch, đầu tư xây dựng, phát triển hạ tầng quản lý chất thải rắn theo thẩm quyền. Xây dựng, hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, chỉ dẫn kỹ thuật sử dụng chất thải rắn, bùn nạo vét, đất đá thải mỏ làm nguyên liệu sản xuất vật liệu xây dựng, san lấp mặt bằng và sử dụng trong các công trình xây dựng, công trình giao thông.

b) Hướng dẫn lồng ghép yêu cầu quản lý chất thải rắn trong quy hoạch, phát triển đô thị và hạ tầng kỹ thuật; hướng dẫn đầu tư xây dựng hạ tầng phục vụ thu gom, trung chuyển, tái chế và xử lý chất thải rắn.

c) Hướng dẫn phân loại, tái sử dụng, tái chế chất thải rắn xây dựng; xây dựng, ban hành theo thẩm quyền tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và hướng dẫn sử dụng chất thải rắn công nghiệp thông thường làm vật liệu xây dựng, san lấp và công trình hạ tầng.

3. Bộ Khoa học và Công nghệ

a) Chủ trì tổ chức thực hiện các chương trình, đề tài, dự án khoa học và công nghệ về giảm thiểu, tái sử dụng, tái chế và xử lý chất thải.

b) Tổ chức nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng công nghệ tiên tiến, công nghệ thân thiện với môi trường; xây dựng, triển khai công tác thẩm định, công bố tiêu chuẩn quốc gia đối với nguyên liệu, vật liệu và sản phẩm tái chế.

c) Nghiên cứu, phát triển nguyên liệu, sản phẩm thân thiện với môi trường thay thế sản phẩm nhựa sử dụng một lần, túi ni lông khó phân hủy sinh học.

4. Bộ Tài chính

a) Chủ trì cân đối, bố trí kinh phí từ ngân sách nhà nước để thực hiện các nhiệm vụ, dự án của Chiến lược theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

b) Nghiên cứu, rà soát, đề xuất hoàn thiện chính sách thuế bảo vệ môi trường đối với chất thải nhựa, sản phẩm nhựa sử dụng một lần và túi ni lông khó phân hủy sinh học.

c) Hướng dẫn chính sách ưu đãi đối với dự án đầu tư trong lĩnh vực thu gom, tái sử dụng, tái chế và xử lý chất thải rắn thuộc Danh mục ngành, nghề ưu đãi đầu tư theo pháp luật về đầu tư; hướng dẫn quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước cho hoạt động mua sắm công xanh.

d) Hướng dẫn triển khai đầu tư xây dựng các dự án đầu tư xử lý chất thải rắn theo hình thức đối tác công tư (PPP).

5. Bộ Công Thương

a) Triển khai chương trình sản xuất sạch hơn trong công nghiệp; thúc đẩy sản xuất và tiêu dùng bền vững; sử dụng hiệu quả tài nguyên, nguyên liệu và năng lượng; giảm phát sinh chất thải.

b) Xây dựng kế hoạch và triển khai các nhiệm vụ để thúc đẩy phát triển ngành công nghiệp môi trường, tập trung phát triển công nghiệp tái chế, cộng sinh công nghiệp và kinh tế tuần hoàn trong sản xuất công nghiệp; xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, hướng dẫn kỹ thuật về sử dụng chất thải rắn công nghiệp thông thường làm nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu trong hoạt động sản xuất.

c) Chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan liên quan thúc đẩy sản xuất và tiêu thụ nguyên liệu, vật liệu, sản phẩm tái chế; tăng cường xúc tiến thương mại, kết

nổi cung - cầu đối với sản phẩm, công nghệ và thiết bị phục vụ tái chế.

d) Xây dựng, trình ban hành danh mục các sản phẩm, hàng hóa, vật liệu sản xuất trong nước phải đáp ứng sử dụng tỷ lệ nguyên, vật liệu tái chế trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp; hướng dẫn tổ chức chứng nhận tỷ lệ tái chế trong sản phẩm, hàng hóa.

6. Bộ Y tế

Hướng dẫn việc phân loại, thu gom, lưu giữ, quản lý chất thải y tế trong phạm vi khuôn viên cơ sở y tế; định kỳ tổng hợp, đánh giá kết quả thực hiện chỉ tiêu về chất thải rắn y tế, gửi Bộ Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp.

7. Bộ Giáo dục và Đào tạo

a) Chủ trì, phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Môi trường rà soát, lồng ghép nội dung giáo dục về giảm thiểu phát sinh chất thải, phân loại, tái sử dụng, tái chế và kinh tế tuần hoàn vào chương trình giáo dục phù hợp với từng cấp học.

b) Phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Môi trường, các cơ sở giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ ngành công nghiệp tái chế và quản lý chất thải.

8. Bộ Công an

Chỉ đạo, tổ chức hoạt động phòng, chống tội phạm và các hành vi vi phạm pháp luật có liên quan đến tội phạm về chôn lấp, đổ thải, đốt chất thải không đúng quy định; bảo đảm an ninh, trật tự trong lĩnh vực quản lý chất thải theo quy định của pháp luật.

9. Các Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ

Theo chức năng, nhiệm vụ được giao, chủ động xây dựng kế hoạch, chương trình và tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ của Chiến lược; định kỳ đánh giá, báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

10. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

a) Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch, chương trình, đề án thực hiện Chiến lược phù hợp với điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội của địa phương. Tăng cường trách nhiệm của chính quyền địa phương trong quản lý chất thải rắn đảm bảo đạt được các chỉ tiêu tại Phụ lục I của Chiến lược.

b) Ban hành theo thẩm quyền hoặc trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ban hành chính sách ưu đãi, hỗ trợ cho hoạt động tái sử dụng, tái chế, xử lý chất thải và ưu tiên sử dụng sản phẩm, vật liệu tái chế trong các dự án sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn theo quy định của pháp luật; nâng cao năng lực và hỗ trợ điều kiện làm việc của lực lượng thu gom chất thải, phế liệu phi chính thức.

c) Rà soát, đề xuất điều chỉnh (trong trường hợp cần thiết) nội dung quản lý chất thải trong các quy hoạch có liên quan và bố trí quỹ đất cho hạ tầng tập kết, thu gom, trung chuyển, tái chế, xử lý chất thải rắn.

d) Đầu tư đồng bộ hệ thống thu gom, tập kết, trung chuyển, tái chế, xử lý

chất thải tập trung của tỉnh, trong đó chú trọng các điểm tập kết, thu gom phụ phẩm nông nghiệp, chất thải chăn nuôi và bao bì thuốc bảo vệ thực vật. Ưu tiên thu hút đầu tư cơ sở tái chế chất thải thực phẩm và chất thải nông nghiệp; triển khai các dự án tái chế, xử lý chất thải áp dụng công nghệ tốt nhất hiện có (BAT), tiên tiến, thân thiện môi trường theo quy định của pháp luật về đầu tư; hạn chế đầu tư mới dự án xử lý chất thải rắn quy mô nhỏ; xây dựng lộ trình chấm dứt các lò đốt công suất nhỏ, quy mô cấp xã.

đ) Ban hành lộ trình và thực hiện thu giá dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt dựa trên khối lượng hoặc thể tích theo quy định của pháp luật; đẩy mạnh thực hiện phân loại chất thải tại nguồn phù hợp với điều kiện của địa phương theo quy định; cải tạo, xử lý ô nhiễm tại các điểm tập kết, bãi chôn lấp không hợp vệ sinh.

e) Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện pháp luật về quản lý chất thải, trong đó chú trọng kiểm tra, giám sát việc phân loại chất thải, đổ chất thải không đúng quy định; phát hiện và xử lý nghiêm hoạt động đốt rơm rạ và phụ phẩm nông nghiệp ngoài trời hoặc đốt trực tiếp trên đồng ruộng sau thu hoạch; kiểm tra, xử lý nghiêm việc chôn lấp, đổ thải, đốt chất thải không đúng quy định. Triển khai ứng dụng công nghệ số trong giám sát, phát hiện và xử lý kịp thời các hành vi vi phạm về quản lý chất thải.

g) Định kỳ đánh giá, báo cáo kết quả thực hiện Chiến lược; cập nhật dữ liệu về chất thải vào cơ sở dữ liệu quốc gia về môi trường theo quy định.

11. Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội

Đẩy mạnh tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và các tầng lớp nhân dân tích cực tham gia giảm thiểu phát sinh chất thải, phân loại, tái sử dụng, tái chế chất thải và thực hiện lối sống thân thiện với môi trường; tăng cường giám sát và phản biện xã hội trong quá trình thực hiện Chiến lược.

Điều 3. Kinh phí thực hiện

1. Kinh phí bảo đảm thực hiện Chiến lược này được bố trí từ nguồn ngân sách nhà nước hàng năm của các bộ, cơ quan, địa phương; nguồn đầu tư của doanh nghiệp, khu vực tư nhân, cộng đồng và nguồn vốn nước ngoài; các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật. Các bộ, ngành, địa phương căn cứ nhiệm vụ được giao ưu tiên nguồn kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp trong Chiến lược.

2. Ngân sách trung ương bảo đảm kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ, dự án thuộc Chiến lược được giao cho các bộ, các cơ quan trung ương chủ trì và các hoạt động chỉ đạo, điều hành triển khai Chiến lược. Địa phương có trách nhiệm bảo đảm kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ, dự án thuộc phạm vi Chiến lược được giao cho các địa phương chủ trì.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định

số 491/QĐ-TTg ngày 07 tháng 5 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh Chiến lược quốc gia về quản lý tổng hợp chất thải rắn đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2050.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, Công báo;
- Lưu: VT, NN (2b)NXT.

THỦ TƯỚNG

Lê Minh Hưng

PHỤ LỤC I. CHỈ TIÊU THEO DÕI KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-TTg ngày tháng năm 2026
của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Chỉ tiêu	Cơ quan theo dõi, tổng hợp	Mục tiêu đến năm 2035 (%)
1	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt đô thị được thu gom, xử lý	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	98
2	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt nông thôn được thu gom, xử lý	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	90
3	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu hồi, tái sử dụng, tái chế trên tổng lượng chất thải rắn sinh hoạt được thu gom (bao gồm cả chất thải thực phẩm)	Các địa phương	40
4	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được xử lý bằng phương pháp chôn lấp trực tiếp so với lượng chất thải được thu gom	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	20
5	Tỷ lệ các bãi chôn lấp chất thải rắn không hợp vệ sinh và các khu vực bị ô nhiễm do chất thải rắn được xử lý, nâng cấp, cải tạo, phục hồi môi trường.	Các địa phương	95
6	Tỷ lệ tro, xỉ, thạch cao được tái sử dụng, tái chế	Bộ Công Thương	95
7	Tỷ lệ chất thải rắn công nghiệp thông thường được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý (trừ tro, xỉ, thạch cao; chất thải rắn xây dựng)	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	100
8	Tỷ lệ chất thải nguy hại được thu gom, tái sử dụng, tái chế và xử lý	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	100
9	Tỷ lệ chất thải rắn y tế phát sinh tại các cơ sở y tế, bệnh viện được phân loại, thu gom, lưu giữ đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường	Bộ Y tế	100
10	Tỷ lệ chất thải rắn xây dựng được tái sử dụng, tái chế theo quy định	Bộ Xây dựng	85
11	Tỷ lệ bùn bể tự hoại từ các đô thị được xử lý theo quy định	Các địa phương	100
12	Tỷ lệ bao bì đựng hóa chất, thuốc bảo vệ thực vật dùng trong nông nghiệp được thu gom, lưu giữ, xử lý theo quy định	Các địa phương	100
13	Tỷ lệ chất thải và phụ phẩm nông nghiệp từ hoạt động trồng trọt được thu gom, tái sử dụng, tái chế	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	80
14	Tỷ lệ chất thải và phụ phẩm của ngành công nghiệp chế biến tôm và cá tra được áp dụng công nghệ xử lý và tái sử dụng	Các địa phương	100

TT	Chỉ tiêu	Cơ quan theo dõi, tổng hợp	Mục tiêu đến năm 2035 (%)
15	Tỷ lệ trang trại áp dụng các công nghệ, kỹ thuật xử lý chất thải chăn nuôi và được tái sử dụng	Các địa phương	100
16	Tỷ lệ chất thải phát sinh từ hoạt động chăn nuôi để sản xuất năng lượng tái tạo (biogas), phân bón, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu/tổng lượng chất thải phát sinh từ hoạt động chăn nuôi	Các địa phương	90
17	Tỷ lệ trung tâm thương mại, siêu thị, khách sạn, khu du lịch sử dụng túi nilông thân thiện với môi trường	Bộ Công Thương	100
18	Tỷ lệ cơ sở xử lý chất thải rắn thuộc danh mục phải kiểm kê khí nhà kính thực hiện kiểm kê, báo cáo theo quy định	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	100

PHỤ LỤC II. DANH MỤC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN ƯU TIÊN

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-TTg ngày tháng năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện	Kết quả/Sản phẩm	Nguồn lực
1	Hoàn thiện chính sách, pháp luật về quản lý chất thải rắn theo định hướng phát triển kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Bộ Công Thương, Bộ Xây dựng, UBND các tỉnh và các cơ quan có liên quan	2027 - 2030	Cơ chế, chính sách, pháp luật	NSNN và các nguồn lực khác
2	Hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, chỉ dẫn kỹ thuật sử dụng chất thải làm nguyên liệu sản xuất vật liệu xây dựng, san lấp mặt bằng và sử dụng trong các công trình xây dựng, công trình giao thông	Bộ Xây dựng	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	2027 - 2030	Tiêu chuẩn, quy chuẩn, chỉ dẫn kỹ thuật	NSNN và các nguồn lực khác
3	Xây dựng, hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, hướng dẫn kỹ thuật sử dụng chất thải làm nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu trong lĩnh vực công nghiệp, năng lượng, hoá chất Triển khai các hoạt động sản xuất vật liệu, sản phẩm thân thiện với môi trường thay thế sản phẩm nhựa sử dụng một lần, túi ni lông khó phân hủy sinh học	Bộ Công Thương	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	2027 - 2030	Tiêu chuẩn, quy chuẩn, chỉ dẫn kỹ thuật	NSNN và các nguồn lực khác
4	Nghiên cứu, rà soát, đề xuất hoàn thiện chính sách thuế bảo vệ môi	Bộ Tài chính	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	2027 - 2028	Cơ chế, chính sách	NSNN và các nguồn lực khác

TT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện	Kết quả/Sản phẩm	Nguồn lực
	trường đối với chất thải nhựa, sản phẩm nhựa sử dụng một lần và túi ni lông khó phân hủy sinh học Hướng dẫn triển khai đầu tư xây dựng các dự án đầu tư xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo hình thức đối tác công tư (PPP) theo quy định					
5	Rà soát, triển khai quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, trong đó ưu tiên xây dựng các trung tâm, khu liên hợp tái chế, xử lý chất thải tập trung liên vùng, liên tỉnh	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Các địa phương	2027 - 2030	Rà soát, điều chỉnh quy hoạch	NSNN, các doanh nghiệp và các nguồn lực khác
6	Xây dựng và triển khai cơ chế hỗ trợ lãi suất từ ngân sách nhà nước đối với chủ dự án, cơ sở vay vốn tại ngân hàng thương mại để thực hiện dự án phân loại, thu gom, tái chế, xử lý chất thải theo mô hình kinh tế tuần hoàn	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ Tài chính, UBND các tỉnh thành phố	2027 - 2028	Cơ chế, chính sách	NSNN và các nguồn lực khác
7	Triển khai mô hình kinh tế tuần hoàn trong ngành nông nghiệp theo hướng tái sử dụng, tái chế chất thải và phụ phẩm nông nghiệp và chất thải chăn nuôi	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Các bộ, ngành, địa phương	2027 - 2030	Dự án, nhiệm vụ	NSNN, các doanh nghiệp và các nguồn lực khác
8	Xây dựng và ban hành giá dịch vụ, thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo khối lượng và	Các địa phương	Bộ Tài chính	2027 -2028	Giá dịch vụ	NSNN và các nguồn lực khác

TT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện	Kết quả/Sản phẩm	Nguồn lực
	thể tích chất thải Triển khai phân loại chất thải rắn sinh hoạt và thu gom, vận chuyển đồng bộ sau phân loại					
9	Đầu tư, xây dựng hạ tầng kỹ thuật đồng bộ hệ thống phân loại, thu gom, vận chuyển chất thải rắn; hạ tầng mạng lưới các điểm trung chuyển, trạm thu hồi chất thải có giá trị; khu tái chế, xử lý chất thải tập trung cho toàn bộ chất thải phát sinh trên địa bàn có định hướng tái chế, xử lý liên vùng, liên tỉnh	Các địa phương	Bộ Nông nghiệp và Môi trường, các bộ, ngành có liên quan	2027 - 2035	Các dự án, nhiệm vụ	NSNN, các doanh nghiệp trong và ngoài nước và các nguồn lực khác
10	Tổ chức triển khai Chương trình phát triển ngành công nghiệp môi trường, tập trung phát triển công nghiệp tái chế trong ngành công nghiệp môi trường; hướng dẫn tổ chức chứng nhận tỷ lệ tái chế trong sản phẩm, hàng hoá; rà soát quy hoạch điện Quốc gia và thực hiện chính sách khuyến khích đầu tư, ưu đãi về giá bán điện nổi lưới đối với các nhà máy phát điện sử dụng chất thải rắn, sinh khối	Bộ Công Thương	Các bộ, ngành, địa phương có liên quan	2027 - 2030	Dự án, nhiệm vụ	NSNN và các nguồn lực khác
11	Nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng công nghệ xử lý chất thải điện, điện tử,	Bộ Khoa học và Công nghệ	Bộ Nông nghiệp và Môi trường,	2027 - 2030	Chương trình, dự án, nhiệm vụ	NSNN và các nguồn lực khác

TT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện	Kết quả/Sản phẩm	Nguồn lực
	pin, ắc quy xe điện, pin mặt trời thải và các loại chất thải phát sinh từ hoạt động chuyển đổi xanh		các bộ, ngành có liên quan			
12	Xây dựng kế hoạch và triển khai hoạt động đồng xử lý chất thải rắn trong các ngành công nghiệp	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Bộ Công Thương và các địa phương	2027 -2035	Kế hoạch	NSNN, các doanh nghiệp và các nguồn lực khác
13	Cải tạo, nâng cấp và xử lý ô nhiễm môi trường tại các bãi chôn lấp chất thải rắn không hợp vệ sinh, các khu vực bị ô nhiễm do chất thải rắn gây ra	Các địa phương	Bộ Nông nghiệp và Môi trường, các bộ, ngành có liên quan	2027 - 2035	Các Dự án, nhiệm vụ	NSNN, ODA, doanh nghiệp và các nguồn lực khác
14	Tổ chức thực hiện các quy định về trách nhiệm của nhà sản xuất, nhập khẩu trong thu hồi, tái chế sản phẩm, bao bì thải bỏ; hình thành các tổ chức trung gian tham gia thu gom, tái chế; thí điểm và nhân rộng các mô hình đặt cọc hoàn trả đối với sản phẩm, bao bì thải bỏ	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Các bộ, ngành, địa phương có liên quan	2027 - 2030	Dự án, nhiệm vụ, hoạt động	NSNN, các doanh nghiệp và các nguồn lực khác
15	Xây dựng, vận hành, khai thác thông tin, dữ liệu về chất thải rắn trong cơ sở dữ liệu môi trường quốc gia	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Các bộ, ngành có liên quan; các địa phương	2027 - 2030	Dự án, nhiệm vụ	NSNN và các nguồn lực khác
16	Xây dựng và triển khai cơ chế thu gom, tiếp nhận, xử lý và giám sát chất thải nhựa phát sinh từ các hoạt động	Các địa phương	Bộ Nông nghiệp và Môi trường,	2027 - 2035	Dự án, nhiệm vụ	NSNN, các doanh nghiệp

TT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện	Kết quả/Sản phẩm	Nguồn lực
	kinh tế biển; đảm bảo kết nối đồng bộ với hệ thống cảng cá, khu neo đậu và các cơ sở tái chế, xử lý nhựa trên đất liền		các bộ, ngành liên quan			và các nguồn lực khác
17	Ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch truyền thông, tập huấn về phân loại chất thải, giảm thiểu sử dụng sản phẩm nhựa dùng một lần và thúc đẩy kinh tế tuần hoàn	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch, các Bộ, ngành, các địa phương	2027 - 2030	Kế hoạch; bộ tài liệu; hoạt động	NSNN, các doanh nghiệp và các nguồn lực khác
18	Triển khai các hoạt động hợp tác quốc tế, chuyển giao công nghệ về quản lý chất thải	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Bộ Ngoại giao, các địa phương	2027 - 2035	Dự án, nhiệm vụ	NSNN, ODA và các nguồn lực khác